

Gia Lai, ngày 29 tháng 5 năm 2026

**ĐĂNG KÝ CHỈ TIÊU TUYỂN SINH NĂM 2026**

(Kèm theo Thông báo số 1897/TB-DHQN ngày 29/5/2026 của Trường Đại học Quy Nhơn)

STT	Trình độ/Lĩnh vực/ Ngành đào tạo	Mã ngành	Lĩnh vực	Năng lực	Bị phạt	Chỉ tiêu đăng ký
*	<b>TỔNG CHỈ TIÊU CHÍNH QUY SO SÁNH CƠ SỞ VẬT CHẤT (3 + 6)</b>			<b>13536</b>	<b>0</b>	<b>5169</b>
<b>A</b>	<b>SAU ĐẠI HỌC</b>			<b>1331</b>	<b>0</b>	<b>631</b>
<b>1</b>	<b>Tiến sĩ</b>			<b>206</b>	<b>0</b>	<b>23</b>
<b>1.1</b>	<b>Tiến sĩ chính quy</b>			<b>206</b>	<b>0</b>	<b>23</b>
<b>1.1.1</b>	<b>Nhân văn</b>	<b>922</b>		<b>25</b>	<b>0</b>	<b>6</b>
<b>1.1.1.1</b>	<b>Ngôn ngữ, văn học và văn hoá nước ngoài</b>	<b>92202</b>	<b>Nhân văn</b>	<b>25</b>	<b>0</b>	<b>6</b>
1.1.1.1.1	Ngôn ngữ Anh	9220201	Ngôn ngữ, văn học và văn hoá nước ngoài	25		6
<b>1.1.2</b>	<b>Khoa học tự nhiên</b>	<b>944</b>		<b>70</b>	<b>0</b>	<b>4</b>
<b>1.1.2.1</b>	<b>Khoa học vật chất</b>	<b>94401</b>	<b>Khoa học tự nhiên</b>	<b>70</b>	<b>0</b>	<b>4</b>
1.1.2.1.1	Hoá lí thuyết và hoá lí	9440119	Khoa học vật chất	70		4
<b>1.1.3</b>	<b>Toán và thống kê</b>	<b>946</b>		<b>79</b>	<b>0</b>	<b>8</b>
<b>1.1.3.1</b>	<b>Toán học</b>	<b>94601</b>	<b>Toán và thống kê</b>	<b>79</b>	<b>0</b>	<b>8</b>
1.1.3.1.1	Toán giải tích	9460102	Toán học	49		4
1.1.3.1.2	Đại số và lí thuyết số	9460104	Toán học	30		4
<b>1.1.4</b>	<b>Kỹ thuật</b>	<b>952</b>		<b>32</b>	<b>0</b>	<b>5</b>
<b>1.1.4.1</b>	<b>Kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông</b>	<b>95202</b>	<b>Kỹ thuật</b>	<b>32</b>	<b>0</b>	<b>5</b>
1.1.4.1.1	Kỹ thuật điện	9520201	Kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông	32		5
<b>1.2</b>	<b>Tiến sĩ liên kết đào tạo với nước ngoài</b>				<b>0</b>	<b>0</b>
<b>2</b>	<b>Thạc sĩ</b>			<b>1125</b>	<b>0</b>	<b>608</b>
<b>2.1</b>	<b>Thạc sĩ chính quy</b>			<b>1125</b>	<b>0</b>	<b>608</b>
<b>2.1.1</b>	<b>Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên</b>	<b>814</b>		<b>185</b>	<b>0</b>	<b>126</b>
<b>2.1.1.1</b>	<b>Khoa học giáo dục</b>	<b>81401</b>	<b>Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên</b>	<b>185</b>	<b>0</b>	<b>126</b>
2.1.1.1.1	Lý luận và phương pháp dạy học	8140110	Khoa học giáo dục	70		39
2.1.1.1.2	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn	8140111	Khoa học giáo dục	50		37
2.1.1.1.3	Quản lý giáo dục	8140114	Khoa học giáo dục	65		50
<b>2.1.2</b>	<b>Nhân văn</b>	<b>822</b>		<b>105</b>	<b>0</b>	<b>82</b>
<b>2.1.2.1</b>	<b>Ngôn ngữ, văn học và văn hoá Việt Nam</b>	<b>82201</b>	<b>Nhân văn</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>

STT	Trình độ/Lĩnh vực/ Ngành đào tạo	Mã ngành	Lĩnh vực	Năng lực	Bị phạt	Chỉ tiêu đăng ký
2.1.2.1.1	Văn học Việt Nam	8220121	Ngôn ngữ, văn học và văn hoá Việt Nam	0		0
<b>2.1.2.2</b>	<b>Ngôn ngữ, văn học và văn hoá nước ngoài</b>	<b>82202</b>	<b>Nhân văn</b>	<b>25</b>	<b>0</b>	<b>25</b>
2.1.2.2.1	Ngôn ngữ Anh	8220201	Ngôn ngữ, văn học và văn hoá nước ngoài	25		25
<b>2.1.2.3</b>	<b>Khác</b>	<b>82290</b>	<b>Nhân văn</b>	<b>80</b>	<b>0</b>	<b>57</b>
2.1.2.3.1	Lịch sử Việt Nam	8229013	Khác	45		27
2.1.2.3.2	Ngôn ngữ học	8229020	Khác	35		30
<b>2.1.3</b>	<b>Khoa học xã hội và hành vi</b>	<b>831</b>		<b>75</b>	<b>0</b>	<b>63</b>
<b>2.1.3.1</b>	<b>Kinh tế học</b>	<b>83101</b>	<b>Khoa học xã hội và hành vi</b>	<b>40</b>	<b>0</b>	<b>39</b>
2.1.3.1.1	Quản lý kinh tế	8310110	Kinh tế học	40		39
<b>2.1.3.2</b>	<b>Khoa học chính trị</b>	<b>83102</b>	<b>Khoa học xã hội và hành vi</b>	<b>35</b>	<b>0</b>	<b>24</b>
2.1.3.2.1	Chính trị học	8310201	Khoa học chính trị	35		24
<b>2.1.4</b>	<b>Kinh doanh và quản lý</b>	<b>834</b>		<b>205</b>	<b>0</b>	<b>106</b>
<b>2.1.4.1</b>	<b>Kinh doanh</b>	<b>83401</b>	<b>Kinh doanh và quản lý</b>	<b>75</b>	<b>0</b>	<b>59</b>
2.1.4.1.1	Quản trị kinh doanh	8340101	Kinh doanh	75		59
<b>2.1.4.2</b>	<b>Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm</b>	<b>83402</b>	<b>Kinh doanh và quản lý</b>	<b>40</b>	<b>0</b>	<b>20</b>
2.1.4.2.1	Tài chính - Ngân hàng	8340201	Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm	40		20
<b>2.1.4.3</b>	<b>Kế toán - Kiểm toán</b>	<b>83403</b>	<b>Kinh doanh và quản lý</b>	<b>90</b>	<b>0</b>	<b>27</b>
2.1.4.3.1	Kế toán	8340301	Kế toán - Kiểm toán	90		27
<b>2.1.5</b>	<b>Khoa học sự sống</b>	<b>842</b>		<b>50</b>	<b>0</b>	<b>7</b>
<b>2.1.5.1</b>	<b>Sinh học</b>	<b>84201</b>	<b>Khoa học sự sống</b>	<b>50</b>	<b>0</b>	<b>7</b>
2.1.5.1.1	Sinh học thực nghiệm	8420114	Sinh học	50		7
<b>2.1.6</b>	<b>Khoa học tự nhiên</b>	<b>844</b>		<b>225</b>	<b>0</b>	<b>76</b>
<b>2.1.6.1</b>	<b>Khoa học vật chất</b>	<b>84401</b>	<b>Khoa học tự nhiên</b>	<b>175</b>	<b>0</b>	<b>56</b>
2.1.6.1.1	Vật lý chất rắn	8440104	Khoa học vật chất	50		20
2.1.6.1.2	Hoá vô cơ	8440113	Khoa học vật chất	60		14
2.1.6.1.3	Hoá lí thuyết và hoá lí	8440119	Khoa học vật chất	65		22
<b>2.1.6.2</b>	<b>Khoa học trái đất</b>	<b>84402</b>	<b>Khoa học tự nhiên</b>	<b>50</b>	<b>0</b>	<b>20</b>
2.1.6.2.1	Địa lí tự nhiên	8440217	Khoa học trái đất	50		20
<b>2.1.7</b>	<b>Toán và thống kê</b>	<b>846</b>		<b>135</b>	<b>0</b>	<b>95</b>
<b>2.1.7.1</b>	<b>Toán học</b>	<b>84601</b>	<b>Toán và thống kê</b>	<b>135</b>	<b>0</b>	<b>95</b>
2.1.7.1.1	Toán giải tích	8460102	Toán học	25		12
2.1.7.1.2	Đại số và lí thuyết số	8460104	Toán học	25		19
2.1.7.1.3	Khoa học dữ liệu	8460108	Toán học	40		23
2.1.7.1.4	Phương pháp toán sơ cấp	8460113	Toán học	45		41
<b>2.1.8</b>	<b>Máy tính và công nghệ thông tin</b>	<b>848</b>		<b>45</b>	<b>0</b>	<b>20</b>

STT	Trình độ/Lĩnh vực/ Ngành đào tạo	Mã ngành	Lĩnh vực	Năng lực	Bị phạt	Chỉ tiêu đăng ký
<b>2.1.8.1</b>	<b>Máy tính</b>	<b>84801</b>	<b>Máy tính và công nghệ thông tin</b>	<b>45</b>	<b>0</b>	<b>20</b>
2.1.8.1.1	Khoa học máy tính	8480101	Máy tính	45		20
<b>2.1.9</b>	<b>Kỹ thuật</b>	<b>852</b>		<b>100</b>	<b>0</b>	<b>33</b>
<b>2.1.9.1</b>	<b>Kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông</b>	<b>85202</b>	<b>Kỹ thuật</b>	<b>100</b>	<b>0</b>	<b>33</b>
2.1.9.1.1	Kỹ thuật điện	8520201	Kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông	40		13
2.1.9.1.2	Kỹ thuật viễn thông	8520208	Kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông	60		20
<b>2.2</b>	<b>Thạc sĩ liên kết đào tạo với nước ngoài</b>			<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>B</b>	<b>ĐẠI HỌC</b>			<b>12399</b>	<b>0</b>	<b>7351</b>
<b>3</b>	<b>Đại học chính quy</b>			<b>5319</b>	<b>0</b>	<b>5169</b>
<b>3.1</b>	<b>Chính quy</b>			<b>5319</b>	<b>0</b>	<b>5169</b>
<b>3.1.1</b>	<b>Các ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học</b>			<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>3.1.2</b>	<b>Các ngành đào tạo (trừ ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học)</b>			<b>5319</b>	<b>0</b>	<b>5169</b>
<b>3.1.2.1</b>	<b>Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên</b>	<b>714</b>		<b>1561</b>	<b>0</b>	<b>1535</b>
<b>3.1.2.1.1</b>	<b>Khoa học giáo dục</b>	<b>71401</b>	<b>Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên</b>	<b>44</b>	<b>0</b>	<b>44</b>
3.1.2.1.1.1	Quản lý giáo dục	7140114	Khoa học giáo dục	44	0	44
<b>3.1.2.1.2</b>	<b>Đào tạo giáo viên</b>	<b>71402</b>	<b>Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên</b>	<b>1517</b>	<b>0</b>	<b>1491</b>
3.1.2.1.2.1	Giáo dục Mầm non	7140201	Đào tạo giáo viên	182	0	180
3.1.2.1.2.2	Giáo dục Tiểu học	7140202	Đào tạo giáo viên	252	0	250
3.1.2.1.2.3	Giáo dục Chính trị	7140205	Đào tạo giáo viên	20	0	20
3.1.2.1.2.4	Giáo dục Thể chất	7140206	Đào tạo giáo viên	104	0	100
3.1.2.1.2.5	Sư phạm Toán học	7140209	Đào tạo giáo viên	103	0	100
3.1.2.1.2.6	Sư phạm Tin học	7140210	Đào tạo giáo viên	123	0	120
3.1.2.1.2.7	Sư phạm Vật lý	7140211	Đào tạo giáo viên	54	0	51
3.1.2.1.2.8	Sư phạm Hoá học	7140212	Đào tạo giáo viên	40	0	36
3.1.2.1.2.9	Sư phạm Sinh học	7140213	Đào tạo giáo viên	26	0	25
3.1.2.1.2.10	Sư phạm Ngữ văn	7140217	Đào tạo giáo viên	121	0	120
3.1.2.1.2.11	Sư phạm Lịch sử	7140218	Đào tạo giáo viên	56	0	54
3.1.2.1.2.12	Sư phạm Địa lý	7140219	Đào tạo giáo viên	80	0	80
3.1.2.1.2.13	Sư phạm Tiếng Anh	7140231	Đào tạo giáo viên	200	0	200
3.1.2.1.2.14	Sư phạm khoa học tự nhiên	7140247	Đào tạo giáo viên	70	0	70
3.1.2.1.2.15	Sư phạm Lịch sử - Địa lí	7140249	Đào tạo giáo viên	86	0	85
<b>3.1.2.2</b>	<b>Nhân văn</b>	<b>722</b>		<b>376</b>	<b>0</b>	<b>376</b>
<b>3.1.2.2.1</b>	<b>Ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài</b>	<b>72202</b>	<b>Nhân văn</b>		<b>0</b>	<b>319</b>

STT	Trình độ/Lĩnh vực/ Ngành đào tạo	Mã ngành	Lĩnh vực	Năng lực	Bị phạt	Chỉ tiêu đăng ký
3.1.2.2.1.1	Ngôn ngữ Anh	7220201	Ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài		0	261
3.1.2.2.1.2	Ngôn ngữ Trung Quốc	7220204	Ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài		0	58
<b>3.1.2.2.2</b>	<b>Khác</b>	<b>72290</b>	<b>Nhân văn</b>		<b>0</b>	<b>57</b>
3.1.2.2.2.1	Văn học	7229030	Khác		0	57
<b>3.1.2.3</b>	<b>Khoa học xã hội và hành vi</b>	<b>731</b>		<b>514</b>	<b>0</b>	<b>434</b>
<b>3.1.2.3.1</b>	<b>Kinh tế học</b>	<b>73101</b>	<b>Khoa học xã hội và hành vi</b>		<b>0</b>	<b>144</b>
3.1.2.3.1.1	Kinh tế	7310101	Kinh tế học		0	99
3.1.2.3.1.2	Kinh tế số	7310109	Kinh tế học	45	0	45
<b>3.1.2.3.2</b>	<b>Khoa học chính trị</b>	<b>73102</b>	<b>Khoa học xã hội và hành vi</b>		<b>0</b>	<b>61</b>
3.1.2.3.2.1	Quản lý nhà nước	7310205	Khoa học chính trị		0	61
<b>3.1.2.3.3</b>	<b>Tâm lý học</b>	<b>73104</b>	<b>Khoa học xã hội và hành vi</b>		<b>0</b>	<b>64</b>
3.1.2.3.3.1	Tâm lý học giáo dục	7310403	Tâm lý học		0	64
<b>3.1.2.3.4</b>	<b>Khu vực học</b>	<b>73106</b>	<b>Khoa học xã hội và hành vi</b>		<b>0</b>	<b>165</b>
3.1.2.3.4.1	Đông phương học	7310608	Khu vực học		0	102
3.1.2.3.4.2	Việt Nam học	7310630	Khu vực học		0	63
<b>3.1.2.4</b>	<b>Kinh doanh và quản lý</b>	<b>734</b>		<b>679</b>	<b>0</b>	<b>679</b>
<b>3.1.2.4.1</b>	<b>Kinh doanh</b>	<b>73401</b>	<b>Kinh doanh và quản lý</b>		<b>0</b>	<b>249</b>
3.1.2.4.1.1	Quản trị kinh doanh	7340101	Kinh doanh		0	249
<b>3.1.2.4.2</b>	<b>Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm</b>	<b>73402</b>	<b>Kinh doanh và quản lý</b>		<b>0</b>	<b>94</b>
3.1.2.4.2.1	Tài chính - Ngân hàng	7340201	Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm		0	94
<b>3.1.2.4.3</b>	<b>Kế toán - Kiểm toán</b>	<b>73403</b>	<b>Kinh doanh và quản lý</b>		<b>0</b>	<b>336</b>
3.1.2.4.3.1	Kế toán	7340301	Kế toán - Kiểm toán		0	287
3.1.2.4.3.2	Kiểm toán	7340302	Kế toán - Kiểm toán		0	49
<b>3.1.2.5</b>	<b>Pháp luật</b>	<b>738</b>		<b>106</b>	<b>0</b>	<b>106</b>
<b>3.1.2.5.1</b>	<b>Luật</b>	<b>73801</b>	<b>Pháp luật</b>		<b>0</b>	<b>106</b>
3.1.2.5.1.1	Luật	7380101	Luật		0	106
<b>3.1.2.6</b>	<b>Khoa học tự nhiên</b>	<b>744</b>		<b>58</b>	<b>0</b>	<b>55</b>
<b>3.1.2.6.1</b>	<b>Khoa học vật chất</b>	<b>74401</b>	<b>Khoa học tự nhiên</b>		<b>0</b>	<b>55</b>
3.1.2.6.1.1	Hoá học	7440112	Khoa học vật chất		0	55
<b>3.1.2.7</b>	<b>Toán và thống kê</b>	<b>746</b>		<b>104</b>	<b>0</b>	<b>103</b>
<b>3.1.2.7.1</b>	<b>Toán học</b>	<b>74601</b>	<b>Toán và thống kê</b>		<b>0</b>	<b>103</b>
3.1.2.7.1.1	Khoa học dữ liệu	7460108	Toán học		0	45
3.1.2.7.1.2	Toán ứng dụng	7460112	Toán học		0	58
<b>3.1.2.8</b>	<b>Máy tính và công nghệ thông tin</b>	<b>748</b>		<b>295</b>	<b>0</b>	<b>295</b>

STT	Trình độ/Lĩnh vực/ Ngành đào tạo	Mã ngành	Lĩnh vực	Năng lực	Bị phạt	Chỉ tiêu đăng ký
<b>3.1.2.8.1</b>	<b>Máy tính</b>	<b>74801</b>	<b>Máy tính và công nghệ thông tin</b>		<b>0</b>	<b>113</b>
3.1.2.8.1.1	Kỹ thuật phần mềm	7480103	Máy tính		0	60
3.1.2.8.1.2	Trí tuệ nhân tạo	7480107	Máy tính		0	53
<b>3.1.2.8.2</b>	<b>Công nghệ thông tin</b>	<b>74802</b>	<b>Máy tính và công nghệ thông tin</b>		<b>0</b>	<b>182</b>
3.1.2.8.2.1	Công nghệ thông tin	7480201	Công nghệ thông tin		0	182
<b>3.1.2.9</b>	<b>Công nghệ kỹ thuật</b>	<b>751</b>		<b>352</b>	<b>0</b>	<b>352</b>
<b>3.1.2.9.1</b>	<b>Công nghệ kỹ thuật cơ khí</b>	<b>75102</b>	<b>Công nghệ kỹ thuật</b>		<b>0</b>	<b>137</b>
3.1.2.9.1.1	Công nghệ kỹ thuật ô tô	7510205	Công nghệ kỹ thuật cơ khí		0	137
<b>3.1.2.9.2</b>	<b>Công nghệ hóa học, vật liệu, luyện kim và môi trường</b>	<b>75104</b>	<b>Công nghệ kỹ thuật</b>		<b>0</b>	<b>56</b>
3.1.2.9.2.1	Công nghệ kỹ thuật hóa học	7510401	Công nghệ hóa học, vật liệu, luyện kim và môi trường		0	56
<b>3.1.2.9.3</b>	<b>Quản lý công nghiệp</b>	<b>75106</b>	<b>Công nghệ kỹ thuật</b>		<b>0</b>	<b>159</b>
3.1.2.9.3.1	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605	Quản lý công nghiệp		0	159
<b>3.1.2.10</b>	<b>Kỹ thuật</b>	<b>752</b>		<b>446</b>	<b>0</b>	<b>431</b>
<b>3.1.2.10.1</b>	<b>Kỹ thuật cơ khí và cơ kỹ thuật</b>	<b>75201</b>	<b>Kỹ thuật</b>		<b>0</b>	<b>40</b>
3.1.2.10.1.1	Kỹ thuật cơ khí động lực	7520116	Kỹ thuật cơ khí và cơ kỹ thuật	42	0	40
<b>3.1.2.10.2</b>	<b>Kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông</b>	<b>75202</b>	<b>Kỹ thuật</b>		<b>0</b>	<b>329</b>
3.1.2.10.2.1	Kỹ thuật điện	7520201	Kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông		0	144
3.1.2.10.2.2	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	7520207	Kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông		0	100
3.1.2.10.2.3	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	7520216	Kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông		0	85
<b>3.1.2.10.3</b>	<b>Vật lý kỹ thuật</b>	<b>75204</b>	<b>Kỹ thuật</b>		<b>0</b>	<b>62</b>
3.1.2.10.3.1	Vật lý kỹ thuật	7520401	Vật lý kỹ thuật	68	0	62
<b>3.1.2.11</b>	<b>Sản xuất và chế biến</b>	<b>754</b>		<b>143</b>	<b>0</b>	<b>143</b>
<b>3.1.2.11.1</b>	<b>Chế biến lương thực, thực phẩm và đồ uống</b>	<b>75401</b>	<b>Sản xuất và chế biến</b>		<b>0</b>	<b>143</b>
3.1.2.11.1.1	Công nghệ thực phẩm	7540101	Chế biến lương thực, thực phẩm và đồ uống		0	143
<b>3.1.2.12</b>	<b>Kiến trúc và xây dựng</b>	<b>758</b>		<b>111</b>	<b>0</b>	<b>106</b>
<b>3.1.2.12.1</b>	<b>Xây dựng</b>	<b>75802</b>	<b>Kiến trúc và xây dựng</b>		<b>0</b>	<b>106</b>
3.1.2.12.1.1	Kỹ thuật xây dựng	7580201	Xây dựng		0	106
<b>3.1.2.13</b>	<b>Nông, lâm nghiệp và thủy sản</b>	<b>762</b>		<b>53</b>	<b>0</b>	<b>43</b>
<b>3.1.2.13.1</b>	<b>Nông nghiệp</b>	<b>76201</b>	<b>Nông, lâm nghiệp và thủy sản</b>		<b>0</b>	<b>43</b>

STT	Trình độ/Lĩnh vực/ Ngành đào tạo	Mã ngành	Lĩnh vực	Năng lực	Bị phạt	Chỉ tiêu đăng ký
3.1.2.13.1.1	Nông học	7620109	Nông nghiệp		0	43
<b>3.1.2.14</b>	<b>Dịch vụ xã hội</b>	<b>776</b>		<b>52</b>	<b>0</b>	<b>52</b>
<b>3.1.2.14.1</b>	<b>Công tác xã hội</b>	<b>77601</b>	<b>Dịch vụ xã hội</b>		<b>0</b>	<b>52</b>
3.1.2.14.1.1	Công tác xã hội	7760101	Công tác xã hội		0	52
<b>3.1.2.15</b>	<b>Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân</b>	<b>781</b>		<b>224</b>	<b>0</b>	<b>224</b>
<b>3.1.2.15.1</b>	<b>Du lịch</b>	<b>78101</b>	<b>Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân</b>		<b>0</b>	<b>125</b>
3.1.2.15.1.1	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Du lịch		0	125
<b>3.1.2.15.2</b>	<b>Khách sạn, nhà hàng</b>	<b>78102</b>	<b>Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân</b>		<b>0</b>	<b>99</b>
3.1.2.15.2.1	Quản trị khách sạn	7810201	Khách sạn, nhà hàng		0	99
<b>3.1.2.16</b>	<b>Môi trường và bảo vệ môi trường</b>	<b>785</b>		<b>245</b>	<b>0</b>	<b>235</b>
<b>3.1.2.16.1</b>	<b>Quản lý tài nguyên và môi trường</b>	<b>78501</b>	<b>Môi trường và bảo vệ môi trường</b>		<b>0</b>	<b>235</b>
3.1.2.16.1.1	Quản lý tài nguyên và môi trường	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường		0	112
3.1.2.16.1.2	Quản lý đất đai	7850103	Quản lý tài nguyên và môi trường		0	123
*	<b>TỔNG CHỈ TIÊU ĐẠI HỌC LIÊN THÔNG SO SÁNH VỚI CHÍNH QUY (3.1 VỚI 3.2 + 3.3)</b>			<b>1064</b>		<b>0</b>
<b>3.2</b>	<b>Liên thông từ trung cấp lên đại học</b>					<b>0</b>
<b>3.3</b>	<b>Liên thông từ cao đẳng lên đại học</b>					<b>0</b>
<b>3.4</b>	<b>Đào tạo chính quy với người đã tốt nghiệp trình độ đại học trở lên</b>					<b>0</b>
<b>3.5</b>	<b>Liên kết đào tạo với nước ngoài</b>			<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>4</b>	<b>Đại học vừa làm vừa học</b>			<b>1886</b>		<b>1558</b>
*	<b>TỔNG CHỈ TIÊU VLVH SO SÁNH VỚI CHÍNH QUY (4.1+4.2+4.3+4.4 VỚI 3.1) - Nhóm ngành: Đào tạo giáo viên</b>	<b>71402</b>		<b>758</b>		<b>745</b>
*	<b>TỔNG CHỈ TIÊU VLVH SO SÁNH VỚI CHÍNH QUY (4.1+4.2+4.3+4.4 VỚI 3.1) - Lĩnh vực Nhân văn</b>			<b>113</b>		<b>108</b>

STT	Trình độ/Lĩnh vực/ Ngành đào tạo	Mã ngành	Lĩnh vực	Năng lực	Bị phạt	Chỉ tiêu đăng ký
*	TỔNG CHỈ TIÊU VLVH SO SÁNH VỚI CHÍNH QUY (4.1+4.2+4.3+4.4 VỚI 3.1) - Lĩnh vực Khoa học xã hội và hành vi			154		70
*	TỔNG CHỈ TIÊU VLVH SO SÁNH VỚI CHÍNH QUY (4.1+4.2+4.3+4.4 VỚI 3.1) - Lĩnh vực Kinh doanh và quản lý			204		150
*	TỔNG CHỈ TIÊU VLVH SO SÁNH VỚI CHÍNH QUY (4.1+4.2+4.3+4.4 VỚI 3.1) - Lĩnh vực Pháp luật			32		55
*	TỔNG CHỈ TIÊU VLVH SO SÁNH VỚI CHÍNH QUY (4.1+4.2+4.3+4.4 VỚI 3.1) - Lĩnh vực Khoa học tự nhiên			17		0
*	TỔNG CHỈ TIÊU VLVH SO SÁNH VỚI CHÍNH QUY (4.1+4.2+4.3+4.4 VỚI 3.1) - Lĩnh vực Toán và thống kê			31		0
*	TỔNG CHỈ TIÊU VLVH SO SÁNH VỚI CHÍNH QUY (4.1+4.2+4.3+4.4 VỚI 3.1) - Lĩnh vực Máy tính và công nghệ thông tin			88		75
*	TỔNG CHỈ TIÊU VLVH SO SÁNH VỚI CHÍNH QUY (4.1+4.2+4.3+4.4 VỚI 3.1) - Lĩnh vực Công nghệ kỹ thuật			106		55
*	TỔNG CHỈ TIÊU VLVH SO SÁNH VỚI CHÍNH QUY (4.1+4.2+4.3+4.4 VỚI 3.1) - Lĩnh vực Kỹ thuật			134		120
*	TỔNG CHỈ TIÊU VLVH SO SÁNH VỚI CHÍNH QUY (4.1+4.2+4.3+4.4 VỚI 3.1) - Lĩnh vực Sản xuất và chế biến			43		0
*	TỔNG CHỈ TIÊU VLVH SO SÁNH VỚI CHÍNH QUY (4.1+4.2+4.3+4.4 VỚI 3.1) - Lĩnh vực Kiến trúc và xây dựng			33		60
*	TỔNG CHỈ TIÊU VLVH SO SÁNH VỚI CHÍNH QUY (4.1+4.2+4.3+4.4 VỚI 3.1) - Lĩnh vực Nông, lâm nghiệp và thủy sản			16		0

STT	Trình độ/Lĩnh vực/ Ngành đào tạo	Mã ngành	Lĩnh vực	Năng lực	Bị phạt	Chỉ tiêu đăng ký
*	<b>TỔNG CHỈ TIÊU VLVH SO SÁNH VỚI CHÍNH QUY (4.1+4.2+4.3+4.4 VỚI 3.1) - Lĩnh vực Dịch vụ xã hội</b>			16		60
*	<b>TỔNG CHỈ TIÊU VLVH SO SÁNH VỚI CHÍNH QUY (4.1+4.2+4.3+4.4 VỚI 3.1) - Lĩnh vực Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân</b>			67		0
*	<b>TỔNG CHỈ TIÊU VLVH SO SÁNH VỚI CHÍNH QUY (4.1+4.2+4.3+4.4 VỚI 3.1) - Lĩnh vực Môi trường và bảo vệ môi trường</b>			74		60
<b>4.1</b>	<b>Vừa làm vừa học</b>					<b>766</b>
<b>4.1.1</b>	<b>Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên</b>	<b>714</b>			<b>0</b>	<b>298</b>
<b>4.1.1.1</b>	<b>Đào tạo giáo viên</b>	<b>71402</b>	<b>Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>298</b>
4.1.1.1.1	Giáo dục Mầm non	7140201	Đào tạo giáo viên			200
4.1.1.1.2	Giáo dục Tiểu học	7140202	Đào tạo giáo viên			98
<b>4.1.2</b>	<b>Nhân văn</b>	<b>722</b>			<b>0</b>	<b>78</b>
<b>4.1.2.1</b>	<b>Ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài</b>	<b>72202</b>	<b>Nhân văn</b>		<b>0</b>	<b>78</b>
4.1.2.1.1	Ngôn ngữ Anh	7220201	Ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài			78
<b>4.1.3</b>	<b>Khoa học xã hội và hành vi</b>	<b>731</b>			<b>0</b>	<b>40</b>
<b>4.1.3.1</b>	<b>Khoa học chính trị</b>	<b>73102</b>	<b>Khoa học xã hội và hành vi</b>		<b>0</b>	<b>40</b>
4.1.3.1.1	Quản lý nhà nước	7310205	Khoa học chính trị			40
<b>4.1.4</b>	<b>Kinh doanh và quản lý</b>	<b>734</b>			<b>0</b>	<b>90</b>
<b>4.1.4.1</b>	<b>Kinh doanh</b>	<b>73401</b>	<b>Kinh doanh và quản lý</b>		<b>0</b>	<b>40</b>
4.1.4.1.1	Quản trị kinh doanh	7340101	Kinh doanh			40
<b>4.1.4.2</b>	<b>Kế toán - Kiểm toán</b>	<b>73403</b>	<b>Kinh doanh và quản lý</b>		<b>0</b>	<b>50</b>
4.1.4.2.1	Kế toán	7340301	Kế toán - Kiểm toán			50
<b>4.1.5</b>	<b>Pháp luật</b>	<b>738</b>			<b>0</b>	<b>30</b>
<b>4.1.5.1</b>	<b>Luật</b>	<b>73801</b>	<b>Pháp luật</b>		<b>0</b>	<b>30</b>
4.1.5.1.1	Luật	7380101	Luật			30
<b>4.1.6</b>	<b>Máy tính và công nghệ thông tin</b>	<b>748</b>			<b>0</b>	<b>50</b>
<b>4.1.6.1</b>	<b>Công nghệ thông tin</b>	<b>74802</b>	<b>Máy tính và công nghệ thông tin</b>		<b>0</b>	<b>50</b>
4.1.6.1.1	Công nghệ thông tin	7480201	Công nghệ thông tin			50
<b>4.1.7</b>	<b>Công nghệ kỹ thuật</b>	<b>751</b>			<b>0</b>	<b>30</b>

STT	Trình độ/Lĩnh vực/ Ngành đào tạo	Mã ngành	Lĩnh vực	Năng lực	Bị phạt	Chỉ tiêu đăng ký
4.1.7.1	<b>Công nghệ kỹ thuật cơ khí</b>	<b>75102</b>	<b>Công nghệ kỹ thuật</b>		<b>0</b>	<b>30</b>
4.1.7.1.1	Công nghệ kỹ thuật ô tô	7510205	Công nghệ kỹ thuật cơ khí			30
4.1.8	<b>Kỹ thuật</b>	<b>752</b>			<b>0</b>	<b>60</b>
4.1.8.1	<b>Kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông</b>	<b>75202</b>	<b>Kỹ thuật</b>		<b>0</b>	<b>60</b>
4.1.8.1.1	Kỹ thuật điện	7520201	Kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông			30
4.1.8.1.2	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	7520207	Kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông			30
4.1.9	<b>Kiến trúc và xây dựng</b>	<b>758</b>			<b>0</b>	<b>30</b>
4.1.9.1	<b>Xây dựng</b>	<b>75802</b>	<b>Kiến trúc và xây dựng</b>		<b>0</b>	<b>30</b>
4.1.9.1.1	Kỹ thuật xây dựng	7580201	Xây dựng			30
4.1.10	<b>Dịch vụ xã hội</b>	<b>776</b>			<b>0</b>	<b>30</b>
4.1.10.1	<b>Công tác xã hội</b>	<b>77601</b>	<b>Dịch vụ xã hội</b>		<b>0</b>	<b>30</b>
4.1.10.1.1	Công tác xã hội	7760101	Công tác xã hội			30
4.1.11	<b>Môi trường và bảo vệ môi trường</b>	<b>785</b>			<b>0</b>	<b>30</b>
4.1.11.1	<b>Quản lý tài nguyên và môi trường</b>	<b>78501</b>	<b>Môi trường và bảo vệ môi trường</b>		<b>0</b>	<b>30</b>
4.1.11.1.1	Quản lý đất đai	7850103	Quản lý tài nguyên và môi trường			30
4.2	<b>Liên thông từ trung cấp lên đại học</b>					<b>185</b>
4.2.1	<b>Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên</b>	<b>714</b>			<b>0</b>	<b>75</b>
4.2.1.1	<b>Đào tạo giáo viên</b>	<b>71402</b>	<b>Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>75</b>
4.2.1.1.1	Giáo dục Mầm non	7140201	Đào tạo giáo viên			50
4.2.1.1.2	Giáo dục Tiểu học	7140202	Đào tạo giáo viên			25
4.2.2	<b>Nhân văn</b>	<b>722</b>			<b>0</b>	<b>0</b>
4.2.2.1	<b>Ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài</b>	<b>72202</b>	<b>Nhân văn</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
4.2.2.1.1	Ngôn ngữ Anh	7220201	Ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài			0
4.2.3	<b>Khoa học xã hội và hành vi</b>	<b>731</b>			<b>0</b>	<b>10</b>
4.2.3.1	<b>Khoa học chính trị</b>	<b>73102</b>	<b>Khoa học xã hội và hành vi</b>		<b>0</b>	<b>10</b>
4.2.3.1.1	Quản lý nhà nước	7310205	Khoa học chính trị			10
4.2.4	<b>Kinh doanh và quản lý</b>	<b>734</b>			<b>0</b>	<b>20</b>
4.2.4.1	<b>Kinh doanh</b>	<b>73401</b>	<b>Kinh doanh và quản lý</b>		<b>0</b>	<b>10</b>
4.2.4.1.1	Quản trị kinh doanh	7340101	Kinh doanh			10

STT	Trình độ/Lĩnh vực/ Ngành đào tạo	Mã ngành	Lĩnh vực	Năng lực	Bị phạt	Chỉ tiêu đăng ký
4.2.4.2	<b>Kế toán - Kiểm toán</b>	73403	<b>Kinh doanh và quản lý</b>		0	10
4.2.4.2.1	Kế toán	7340301	Kế toán - Kiểm toán			10
4.2.5	<b>Pháp luật</b>	738			0	10
4.2.5.1	<b>Luật</b>	73801	<b>Pháp luật</b>		0	10
4.2.5.1.1	Luật	7380101	Luật			10
4.2.6	<b>Máy tính và công nghệ thông tin</b>	748			0	10
4.2.6.1	<b>Công nghệ thông tin</b>	74802	<b>Máy tính và công nghệ thông tin</b>		0	10
4.2.6.1.1	Công nghệ thông tin	7480201	Công nghệ thông tin			10
4.2.7	<b>Công nghệ kỹ thuật</b>	751			0	10
4.2.7.1	<b>Công nghệ kỹ thuật cơ khí</b>	75102	<b>Công nghệ kỹ thuật</b>		0	10
4.2.7.1.1	Công nghệ kỹ thuật ô tô	7510205	Công nghệ kỹ thuật cơ khí			10
4.2.8	<b>Kỹ thuật</b>	752			0	20
4.2.8.1	<b>Kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông</b>	75202	<b>Kỹ thuật</b>		0	20
4.2.8.1.1	Kỹ thuật điện	7520201	Kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông			10
4.2.8.1.2	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	7520207	Kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông			10
4.2.9	<b>Kiến trúc và xây dựng</b>	758			0	10
4.2.9.1	<b>Xây dựng</b>	75802	<b>Kiến trúc và xây dựng</b>		0	10
4.2.9.1.1	Kỹ thuật xây dựng	7580201	Xây dựng			10
4.2.10	<b>Dịch vụ xã hội</b>	776			0	10
4.2.10.1	<b>Công tác xã hội</b>	77601	<b>Dịch vụ xã hội</b>		0	10
4.2.10.1.1	Công tác xã hội	7760101	Công tác xã hội			10
4.2.11	<b>Môi trường và bảo vệ môi trường</b>	785			0	10
4.2.11.1	<b>Quản lý tài nguyên và môi trường</b>	78501	<b>Môi trường và bảo vệ môi trường</b>		0	10
4.2.11.1.1	Quản lý đất đai	7850103	Quản lý tài nguyên và môi trường			10
4.3	<b>Liên thông từ cao đẳng lên đại học</b>					169
4.3.1	<b>Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên</b>	714			0	74
4.3.1.1	<b>Đào tạo giáo viên</b>	71402	<b>Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên</b>	0	0	74
4.3.1.1.1	Giáo dục Mầm non	7140201	Đào tạo giáo viên			49
4.3.1.1.2	Giáo dục Tiểu học	7140202	Đào tạo giáo viên			25
4.3.2	<b>Nhân văn</b>	722			0	0
4.3.2.1	<b>Ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài</b>	72202	<b>Nhân văn</b>		0	0

STT	Trình độ/Lĩnh vực/ Ngành đào tạo	Mã ngành	Lĩnh vực	Năng lực	Bị phạt	Chỉ tiêu đăng ký
4.3.2.1.1	Ngôn ngữ Anh	7220201	Ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài			0
<b>4.3.3</b>	<b>Khoa học xã hội và hành vi</b>	<b>731</b>			<b>0</b>	<b>10</b>
<b>4.3.3.1</b>	<b>Khoa học chính trị</b>	<b>73102</b>	<b>Khoa học xã hội và hành vi</b>		<b>0</b>	<b>10</b>
4.3.3.1.1	Quản lý nhà nước	7310205	Khoa học chính trị			10
<b>4.3.4</b>	<b>Kinh doanh và quản lý</b>	<b>734</b>			<b>0</b>	<b>20</b>
<b>4.3.4.1</b>	<b>Kinh doanh</b>	<b>73401</b>	<b>Kinh doanh và quản lý</b>		<b>0</b>	<b>10</b>
4.3.4.1.1	Quản trị kinh doanh	7340101	Kinh doanh			10
<b>4.3.4.2</b>	<b>Kế toán - Kiểm toán</b>	<b>73403</b>	<b>Kinh doanh và quản lý</b>		<b>0</b>	<b>10</b>
4.3.4.2.1	Kế toán	7340301	Kế toán - Kiểm toán			10
<b>4.3.5</b>	<b>Pháp luật</b>	<b>738</b>			<b>0</b>	<b>5</b>
<b>4.3.5.1</b>	<b>Luật</b>	<b>73801</b>	<b>Pháp luật</b>		<b>0</b>	<b>5</b>
4.3.5.1.1	Luật	7380101	Luật			5
<b>4.3.6</b>	<b>Máy tính và công nghệ thông tin</b>	<b>748</b>			<b>0</b>	<b>5</b>
<b>4.3.6.1</b>	<b>Công nghệ thông tin</b>	<b>74802</b>	<b>Máy tính và công nghệ thông tin</b>		<b>0</b>	<b>5</b>
4.3.6.1.1	Công nghệ thông tin	7480201	Công nghệ thông tin			5
<b>4.3.7</b>	<b>Công nghệ kỹ thuật</b>	<b>751</b>			<b>0</b>	<b>5</b>
<b>4.3.7.1</b>	<b>Công nghệ kỹ thuật cơ khí</b>	<b>75102</b>	<b>Công nghệ kỹ thuật</b>		<b>0</b>	<b>5</b>
4.3.7.1.1	Công nghệ kỹ thuật ô tô	7510205	Công nghệ kỹ thuật cơ khí			5
<b>4.3.8</b>	<b>Kỹ thuật</b>	<b>752</b>			<b>0</b>	<b>20</b>
<b>4.3.8.1</b>	<b>Kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông</b>	<b>75202</b>	<b>Kỹ thuật</b>		<b>0</b>	<b>20</b>
4.3.8.1.1	Kỹ thuật điện	7520201	Kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông			10
4.3.8.1.2	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	7520207	Kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông			10
<b>4.3.9</b>	<b>Kiến trúc và xây dựng</b>	<b>758</b>			<b>0</b>	<b>10</b>
<b>4.3.9.1</b>	<b>Xây dựng</b>	<b>75802</b>	<b>Kiến trúc và xây dựng</b>		<b>0</b>	<b>10</b>
4.3.9.1.1	Kỹ thuật xây dựng	7580201	Xây dựng			10
<b>4.3.10</b>	<b>Dịch vụ xã hội</b>	<b>776</b>			<b>0</b>	<b>10</b>
<b>4.3.10.1</b>	<b>Công tác xã hội</b>	<b>77601</b>	<b>Dịch vụ xã hội</b>		<b>0</b>	<b>10</b>
4.3.10.1.1	Công tác xã hội	7760101	Công tác xã hội			10
<b>4.3.11</b>	<b>Môi trường và bảo vệ môi trường</b>	<b>785</b>			<b>0</b>	<b>10</b>
<b>4.3.11.1</b>	<b>Quản lý tài nguyên và môi trường</b>	<b>78501</b>	<b>Môi trường và bảo vệ môi trường</b>		<b>0</b>	<b>10</b>
4.3.11.1.1	Quản lý đất đai	7850103	Quản lý tài nguyên và môi trường			10

STT	Trình độ/Lĩnh vực/ Ngành đào tạo	Mã ngành	Lĩnh vực	Năng lực	Bị phạt	Chỉ tiêu đăng ký
4.4	<b>Đào tạo vừa làm vừa học đối với người đã tốt nghiệp trình độ đại học trở lên</b>					438
4.4.1	<b>Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên</b>	714			0	298
4.4.1.1	<b>Đào tạo giáo viên</b>	71402	<b>Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên</b>	0	0	298
4.4.1.1.1	Giáo dục Mầm non	7140201	Đào tạo giáo viên			100
4.4.1.1.2	Giáo dục Tiểu học	7140202	Đào tạo giáo viên			198
4.4.2	<b>Nhân văn</b>	722			0	30
4.4.2.1	<b>Ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài</b>	72202	<b>Nhân văn</b>		0	30
4.4.2.1.1	Ngôn ngữ Anh	7220201	Ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài			30
4.4.3	<b>Khoa học xã hội và hành vi</b>	731			0	10
4.4.3.1	<b>Khoa học chính trị</b>	73102	<b>Khoa học xã hội và hành vi</b>		0	10
4.4.3.1.1	Quản lý nhà nước	7310205	Khoa học chính trị			10
4.4.4	<b>Kinh doanh và quản lý</b>	734			0	20
4.4.4.1	<b>Kinh doanh</b>	73401	<b>Kinh doanh và quản lý</b>		0	10
4.4.4.1.1	Quản trị kinh doanh	7340101	Kinh doanh			10
4.4.4.2	<b>Kế toán - Kiểm toán</b>	73403	<b>Kinh doanh và quản lý</b>		0	10
4.4.4.2.1	Kế toán	7340301	Kế toán - Kiểm toán			10
4.4.5	<b>Pháp luật</b>	738			0	10
4.4.5.1	<b>Luật</b>	73801	<b>Pháp luật</b>		0	10
4.4.5.1.1	Luật	7380101	Luật			10
4.4.6	<b>Máy tính và công nghệ thông tin</b>	748			0	10
4.4.6.1	<b>Công nghệ thông tin</b>	74802	<b>Máy tính và công nghệ thông tin</b>		0	10
4.4.6.1.1	Công nghệ thông tin	7480201	Công nghệ thông tin			10
4.4.7	<b>Công nghệ kỹ thuật</b>	751			0	10
4.4.7.1	<b>Công nghệ kỹ thuật cơ khí</b>	75102	<b>Công nghệ kỹ thuật</b>		0	10
4.4.7.1.1	Công nghệ kỹ thuật ô tô	7510205	Công nghệ kỹ thuật cơ khí			10
4.4.8	<b>Kỹ thuật</b>	752			0	20
4.4.8.1	<b>Kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông</b>	75202	<b>Kỹ thuật</b>		0	20
4.4.8.1.1	Kỹ thuật điện	7520201	Kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông			10
4.4.8.1.2	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	7520207	Kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông			10
4.4.9	<b>Kiến trúc và xây dựng</b>	758			0	10

STT	Trình độ/Lĩnh vực/ Ngành đào tạo	Mã ngành	Lĩnh vực	Năng lực	Bị phạt	Chỉ tiêu đăng ký
4.4.9.1	<b>Xây dựng</b>	<b>75802</b>	<b>Kiến trúc và xây dựng</b>		<b>0</b>	<b>10</b>
4.4.9.1.1	Kỹ thuật xây dựng	7580201	Xây dựng			10
4.4.10	<b>Dịch vụ xã hội</b>	<b>776</b>			<b>0</b>	<b>10</b>
4.4.10.1	<b>Công tác xã hội</b>	<b>77601</b>	<b>Dịch vụ xã hội</b>		<b>0</b>	<b>10</b>
4.4.10.1.1	Công tác xã hội	7760101	Công tác xã hội			10
4.4.11	<b>Môi trường và bảo vệ môi trường</b>	<b>785</b>			<b>0</b>	<b>10</b>
4.4.11.1	<b>Quản lý tài nguyên và môi trường</b>	<b>78501</b>	<b>Môi trường và bảo vệ môi trường</b>		<b>0</b>	<b>10</b>
4.4.11.1.1	Quản lý đất đai	7850103	Quản lý tài nguyên và môi trường			10
*	<b>TỔNG CHỈ TIÊU TỪ XA SO SÁNH VỚI CÁN BỘ CHUYÊN TRÁCH VỀ ĐÀO TẠO TỪ XA</b>			<b>7298</b>	<b>0</b>	<b>624</b>
<b>5</b>	<b>Từ xa</b>			<b>5194</b>	<b>0</b>	<b>624</b>
5.1	<b>Nhân văn</b>	<b>722</b>		<b>1292</b>	<b>0</b>	<b>199</b>
5.1.1	<b>Ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài</b>	<b>72202</b>	<b>Nhân văn</b>		<b>0</b>	<b>199</b>
5.1.1.1	Ngôn ngữ Anh	7220201	Ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài		0	199
5.2	<b>Khoa học xã hội và hành vi</b>	<b>731</b>		<b>225</b>	<b>0</b>	<b>225</b>
5.2.1	<b>Khoa học chính trị</b>	<b>73102</b>	<b>Khoa học xã hội và hành vi</b>		<b>0</b>	<b>225</b>
5.2.1.1	Quản lý nhà nước	7310205	Khoa học chính trị	225	0	225
5.3	<b>Kinh doanh và quản lý</b>	<b>734</b>		<b>1777</b>	<b>0</b>	<b>50</b>
5.3.1	<b>Kế toán - Kiểm toán</b>	<b>73403</b>	<b>Kinh doanh và quản lý</b>		<b>0</b>	<b>50</b>
5.3.1.1	Kế toán	7340301	Kế toán - Kiểm toán		0	50
5.4	<b>Pháp luật</b>	<b>738</b>		<b>625</b>	<b>0</b>	<b>50</b>
5.4.1	<b>Luật</b>	<b>73801</b>	<b>Pháp luật</b>		<b>0</b>	<b>50</b>
5.4.1.1	Luật	7380101	Luật		0	50
5.5	<b>Dịch vụ xã hội</b>	<b>776</b>		<b>600</b>	<b>0</b>	<b>50</b>
5.5.1	<b>Công tác xã hội</b>	<b>77601</b>	<b>Dịch vụ xã hội</b>		<b>0</b>	<b>50</b>
5.5.1.1	Công tác xã hội	7760101	Công tác xã hội		0	50
5.6	<b>Môi trường và bảo vệ môi trường</b>	<b>785</b>		<b>675</b>	<b>0</b>	<b>50</b>
5.6.1	<b>Quản lý tài nguyên và môi trường</b>	<b>78501</b>	<b>Môi trường và bảo vệ môi trường</b>		<b>0</b>	<b>50</b>
5.6.1.1	Quản lý đất đai	7850103	Quản lý tài nguyên và môi trường		0	50